TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 –CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Phong.

Bà Lê Thị Ánh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khánh Huy –Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 181/2024/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2024, về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trương Thị Út L**; Sinh ngày: 02/02/1969. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp A, xã C, thành phố Cần Thơ - Có mặt).

2. Bị đơn: **Trần Hoàng E**; Sinh ngày: 31/12/1974. Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp A, xã C, thành phố Cần Thơ - Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Trương Thị Út L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Út L và ông Hoàng E tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (cũ) vào

ngày 12/9/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, đến tháng 12/2023 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Bà Út L và ông Hoàng E đã ly thân từ tháng 12/2023 cho đến nay. Nay bà Út L xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông Trần Hoàng E không còn, nên bà Út L yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng E; Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Út L và ông Hoàng E có 01 người con chung là Trần Gia B, sinh ngày 22/5/2008. Hiện nay, cháu B đang sống chung với bà Út L. Bà Út L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Gia B, sinh ngày 22/5/2008 cho đến khi cháu Bảo thành N, không yêu cầu ông Trần Hoàng E cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống bà Út L và ông Hoàng E không có tài sản chung và không có nợ chung, nên bà Út L không có yêu cầu gì.

* Bị đơn là ông Trần Hoàng E đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ, nhưng vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, ông Trần Hoàng E không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Trần Hoàng E.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là xử cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, xử giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 22/5/2008 cho bà Út L nuôi dưỡng đến khi thành niên; Về tài sản chung và nợ chung, không có đề nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 9 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Hoàng E là bị đơn trong vụ án, ông Trần Hoàng E đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều

227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Hoàng E.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trương Thị Út L và ông Trần Hoàng E là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nhưng ông bà không tìm giải pháp bàn bạc về việc hôn nhân của ông bà nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Trương Thị Út L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hoàng E là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Út L. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Trương Thị Út L được ly hôn với ông Trần Hoàng E.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Trương Thị Út L và ông Trần Hoàng E có 01 người con chung tên là Trần Gia B, sinh ngày 22/5/2008. Hiện nay, cháu B đang sống chung với bà Út L. Bà Út L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Gia B, sinh ngày 22/5/2008 cho đến khi thành niên, không yêu cầu ông Trần Hoàng E cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với bị đơn là ông Trần Hoàng E đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về nội dung yêu cầu của bà Trương Thị Út L, nhưng ông Trần Hoàng E không có văn bản trả lời về nội dung yêu cầu của bà Trương Thị Út L. Nguyện vọng của cháu B là muốn sống cùng với mẹ là bà Trương Thị Út L. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi bà Trương Thị Út L và ông Trần Hoàng E sống ly thân cho đến nay thì cháu B sống chung với bà Út L. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 22/5/2008 cho bà Út L nuôi dưỡng đến khi thành niên, do bà Út L không yêu cầu ông Trần Hoàng E phải cấp dưỡng nuôi con, nên ông Trần Hoàng E không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông Trần Hoàng E, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Út L không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Út L phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Ông Trần Hoàng E không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Út L.

1. Về hôn nhân: Xử cho bà Trương Thị Út L được ly hôn với ông Trần Hoàng E.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Gia B, sinh ngày 22/5/2008 cho bà Trương Thị Út L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bảo thành N. Ông Trần Hoàng E không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cho ông Trần Hoàng E, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Út L không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Út L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình, nhưng bà Trương Thị Út L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006868 ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng thi hành án khu vực 9 - Cần Thơ, thành phố Cần Thơ). Như vậy, bà Trương Thị Út L đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Trần Hoàng E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Út L có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Hoàng E có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 9 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hồ Mỹ Xuyên